

Bản án số: 480/2024/DS-PT

Ngày: 27/8/2024

“V/v tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất; lối đi và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

- Ông Ngô Tấn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2024/TLPT-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất; lối đi và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 408/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. **Võ Trường G**, sinh năm 1979; (Có mặt).

1.2. **Trần Thị T**, sinh năm 1979; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: **Số D, tổ E, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: **Võ Thị H**, sinh năm 1946;

Địa chỉ: **Tổ I, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà **Võ Thị H**: Ông **Trần Huỳnh V**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Tổ D, khóm A, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2022). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. **Võ Văn Q**, sinh năm 1931; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).  
Địa chỉ: **Số C, tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.
- 3.2. **Nguyễn Xuân D**, sinh năm 2001; (Vắng mặt).  
Địa chỉ: **Số B, tổ G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.
- 3.3. **Võ Thanh H1**, sinh năm 1930 (Chết).  
Địa chỉ: **Số D, tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.  
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Võ Thanh H1**:  
**Võ Thị Mỹ P** (chết năm 2021);  
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ bà **P**:  
**Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1964; (Vắng mặt).  
**Huỳnh Nhật T2**, sinh năm 1987; (Vắng mặt).  
**Huỳnh Thị Cẩm T3**, sinh năm 1990; (Vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: **Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.  
**Võ Thị Mỹ T4**, sinh năm 1965; (Vắng mặt).  
Địa chỉ: **Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.  
**Võ Thị Mỹ P (P1)**, sinh năm 1967; (Có mặt).  
Địa chỉ: **Tổ D, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.  
**Võ Thành A**, sinh năm 1970;(Có mặt).  
Địa chỉ: **Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.  
**Võ Thị Mỹ D1**, sinh năm 1973;(Vắng mặt).  
Địa chỉ: **Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.  
**Võ Văn H2**, sinh năm 1976; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).  
Địa chỉ: **Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.  
**Võ Trường G**, sinh năm 1979; (Có mặt).  
Địa chỉ: **Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.
- 3.4. **Võ Thị Y**, sinh năm 1946;  
Địa chỉ: **Tổ I, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp.  
Người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Thị Y** là anh **Trần Huỳnh V**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023). (Có mặt).
- 3.5. **Võ Văn H2**, sinh năm 1976; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).  
Địa chỉ: **Số D, Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.
4. Người kháng cáo: Anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị T** là nguyên đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa **Võ Trường G** và **Trần Thị T** trình bày:**

Vào năm 2005, anh **G** và chị **T** có mua phần đất của ông **Võ Văn Q**, sinh năm 1931, loại đất cây lâu năm, diện tích chiều ngang 12m x chiều dài 54m, đất tọa lạc tại **tổ E, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**. Đến ngày 21/8/2015

anh, chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB431667 thửa 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 584,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm. Phần đất này có vị trí như sau:

Phía Đông: Giáp với phần đất ông **Võ Văn N.**

Phía Tây: Giáp phần đất **Võ Thành P2.**

Phía Bắc: Giáp **đường N.**

Phía Nam: Giáp đất bà **Võ Thị H.**

Giữa đất anh **G** và chị **T** với đất bà **H** có trụ đá ranh, hiện các trụ đá ranh đã bị bà **H** nhổ bỏ. Trong quá trình sử dụng đất bà **H** lấn qua đất anh, chị với chiều dài 12m x ngang 3m, tổng cộng 36m<sup>2</sup>. Do lúc này anh **G** và chị **T** bận làm ăn xa không có ở nhà nên không phát hiện. Đến năm 2016 thì phát hiện bà **H** trồng 03 cây xoài trên đất. Đồng thời tháo dỡ 08 trụ đá và cắt lưới B40 chiều ngang 12m, chiều dài mỗi bên 3m. Nay anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** yêu cầu xác định lại ranh đất đúng diện tích đất đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà **Võ Thị H** trả lại diện tích đất lấn chiếm 36m<sup>2</sup> thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C** và yêu cầu bà **H** bồi thường số tiền đã làm hư hao 08 trụ đá và lưới B40 với số tiền 3.300.000 đồng.

Đối với yêu cầu bà **Y**, bà **H** và ông **H1** yêu cầu lối đi anh **G** và chị **T** không đồng ý.

- **Theo bị đơn là bà Võ Thị H trình bày:** Bà **H** không đồng ý theo yêu cầu của anh **G** và chị **T**. Bà **H** cho rằng hiện nay phần đất của anh **Nguyễn Trường G1** đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của ông bà để lại cho cha mẹ bà là ông **Võ Văn T5** và bà **Đỗ Thị T6**. Sau đó cha mẹ bà cho bà, ông **H1** và ông **Q**. Cha mẹ bà cho ông **H1** 500m<sup>2</sup>, cho ông **Q** chỉ có 500m<sup>2</sup> phần của bà hơn 2.800m<sup>2</sup> thuộc thửa 135 giáp với thửa đất của anh **G1** mà hiện nay đang tranh chấp, khi mẹ bà cho đất có cắm trụ ranh nên bà không có lấn ranh như anh **G1** và chị **T** trình bày.

Năm 2000 mẹ bà **H** là **Đỗ Thị T6** có làm di chúc để phân chia tài sản của ông bà để lại sau khi bà **Thông qua đ** có dặn dò bằng lời nói là các anh em phải chừa đường đi ngang 02 mét để đi ra thăm mồ mã ông bà. Đến năm 2001 bà **T6** qua đời các anh em phân chia theo di chúc, phần ông **Võ Văn Q** được hưởng 14 công, sau khi phân chia di sản cho ông **Q** ông **Q** chưa đăng ký quyền sử dụng đất mà chuyển 500m<sup>2</sup> cho anh **Võ Trường G** là con trai của ông **Võ Thanh H1**. Đến năm 2016, anh **Võ Trường G** làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất có nhờ cha ruột là ông **Võ Thanh H1** xác nhận nguồn gốc đất này là của cha cho con để khỏi phải đóng thuế nhà nước, lúc đó ông **H1** không thấy đường và tin tưởng anh **G** nên đã xác nhận chiều ngang 12 mét, dài 54 mét. Nhưng thực tế bà **T6** cho ông **Q** trong di chúc là chiều dài 41,7 mét (anh **G** đã lấn chiếm qua đất bà **H** dài 12 mét ngang 03 mét. Sau khi đăng ký quyền sử dụng đất anh **G** đã rào chắn đường đi ra mồ mã ông, bà không cho ai đi ngang qua phần đất này.

Nay bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** mở lối đi ra mồ mã và buộc anh **G**, chị **T** tháo dỡ hàng rào chắn lối đi ra mồ mã ông, bà ngang 2 mét dài 41,7 mét, tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

**Ông Võ Văn H2 trình bày:**

Ông **H2** yêu cầu Tòa án nhân **thành phố C** công nhận cho ông **H2** được sử dụng diện tích 11,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm đất tọa lạc tại **ấp H, xã H, TP .** do anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** cùng địa chỉ: **Tổ E, ấp H, xã H, Tp ., tỉnh Đồng Tháp** đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông **H2** có đơn xin rút yêu cầu không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Bà Võ Thị Y trình bày:** Bà **Y** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** mở lối đi ra mồ mã và buộc anh **G** và chị **T** tháo dỡ hàng rào chắn lối đi ra mồ mã ông, chiều ngang 2 mét, dài 41,7 mét tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**. Đồng ý tự nguyện trả giá trị đất và cây cho anh **G** và chị **T** theo giá Hội đồng định giá đã định.

**Ông Võ Thanh H1 trình bày:** Ông **H1** yêu cầu Tòa án buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** mở lối đi ra mồ mã và buộc anh **G**, chị **T** tháo dỡ hàng rào chắn lối đi ra mồ mã ông, bà chiều ngang 2 mét, dài 41,7 mét tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**. Hiện nay ông **H1** đã chết người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông **H1** vẫn giữ theo yêu cầu của ông **H1**.

Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cao Lãnh đã xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu anh của **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** về việc xác định ranh là các đoạn thẳng trong phạm vi các mốc M4 và M5.

Ranh đất giữa đất anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** và bà **Võ Thị H** là các đoạn thẳng nối giữa mốc M4 và M5.

Ranh giới giữa các bên được xác định từ không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Buộc bà **Võ Thị H** di dời 03 cây xoài trên đất để trả lại đất cho anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** sử dụng, trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 3, 4, 5 về 6.

*Toàn bộ diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ngày 19/8/2022.*

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** về việc yêu cầu bà **Võ Thị H** bồi thường số tiền 1.797.000 đồng đã làm hư 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

Buộc bà **Võ Thị H** bồi thường cho anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** số tiền 1.797.000 đồng đối với phần tài sản hư là 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

Không chấp nhận yêu cầu anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** về việc yêu cầu bà **Võ Thị H** bồi thường thiệt hại số tiền 3.300.000 đồng do làm hư 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

Chấp nhận yêu cầu lối đi của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông **H1** là ông **A** và bà **P** được đi lối đi trên đất của anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5', 5, 6, B, A và 1 thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông **H1** là ông **A** và bà **P** trả giá trị diện tích đất của phần lối đi và giá trị cây trên phần diện tích lối đi tổng cộng số tiền là 19.767.000 đồng.

Bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông **H1** là ông **Võ Thành A** và bà **Võ Thị Mỹ P** được sử dụng các loại cây trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5', 5, 6, B, A và 1 (gồm 03 cây Mít đang cho trái, 03 cây Chuối 03 cây, 01 cây **D2** đang cho trái và 01 cây Dừa nhỏ chưa cho trái).

Buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** có trách nhiệm di dời hàng rào lưới B40 từ mốc 1 đến mốc 12 và hàng rào lưới B40 từ mốc 6 đến mốc 8 để mở lối đi cho bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng ông **H1** là ông **Võ Thành A** và bà **Võ Thị Mỹ P**.

Buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** di dời 02 cây Mít mới trồng, 01 bụi bông **T7**, cây Sa bô và các chậu **M** kiểng trên phần diện tích đất lối đi chung.

Anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** được sử dụng 02 cây Sung.

Các loại cây được thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định ngày 15/12/2020 và ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015.

*Toàn bộ diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2020 và ngày 19/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.*

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 11,3m<sup>2</sup> của ông **Võ Văn H2** thuộc một phần thửa đất 439, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm đất tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C** do anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị H** và bà **Võ Thị Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà **H** và bà **Y** là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng án phí về phần bồi thường thiệt hại và phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu lồi đi là 867.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0003508 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh **G** và chị **T** phải đóng thêm 567.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ông **Võ Văn H2** được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012103 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá là 11.252.000 đồng:

Bà **H**, bà **Y** phải chịu 5.626.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá, bà **H** đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng, bà **H**, bà **Y** phải nộp tiếp số tiền 4.626.000 đồng nhưng anh **G**, chị **T** đã nộp tạm ứng và chi xong số tiền này nên bà **H**, bà **Y** phải nộp để trả lại cho anh **G**, chị **T** số tiền 4.626.000 đồng.

Anh **G**, chị **T** phải chịu 5.626.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá nhưng anh **G** và chị **T** đã nộp tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 01 năm 2024, anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị T** kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 165/2023/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại phần lồi đi không chấp nhận yêu cầu lồi đi của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1** (ông **A**, bà **P**).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết nội dung vụ án, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu phản tố, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không thỏa thuận được với nguyên đơn về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Y**, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1**: Giữ nguyên yêu cầu độc lập, đồng ý với phần Quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị T**, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị đ1** về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, **Võ Xuân D3**, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1**: (**Huỳnh Văn T1**, **Huỳnh Nhật T2**, **Huỳnh Thị Cẩm T3**, **Võ Thị Mỹ T4**, **Võ Thị Mỹ P**, **Võ Thành A**, **Võ Thị Mỹ D1**) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, ông **Võ Văn Q**, **Võ Văn H2**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị T** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm, xem xét lại phần lối đi không chấp nhận yêu cầu mở lối đi của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1** (ông **A**, bà **P**). Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của anh **G** và chị **T** nhận chuyển nhượng của ông **Võ Văn Q**, loại đất cây lâu năm, chiều ngang 12m, chiều dài 54m, đất tọa lạc tại **tổ E**, **áp H**, **xã H**, **thành phố C**, **tỉnh Đồng Tháp**. Ngày 21/8/2015 anh **G**, chị **T** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB431667 thửa 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 584,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm. Trong quá trình sử dụng đất bà **H** lấn qua đất anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T**, bản án sơ thẩm xác định ranh đất giữa đất thuộc thửa 439, của anh **G**, chị **T** và thửa 135 của bà **H** là đoạn thẳng nối các mốc M4 và M5 là có căn cứ và các bên không kháng cáo. Việc bà **H**, bà **Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1** yêu cầu mở lối đi trên phần đất của anh **G**, chị **T** trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5, 5', 6, B, A, 1' về mốc 1 để đi ra khu mộ gia tộc tổ tiên là phù hợp. Bởi vì phần lối đi ra khu mộ gia tộc của bà **H** cũng là ông, bà của anh **G**.

[2.2] Việc anh **G**, chị **T** kháng cáo cho rằng bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H1** (ông **A**, bà **P**) còn có lối đi khác đi ra khu mộ. Xét thấy, những lối đi khác mà anh **G**, chị **T** trình bày là phải

đi qua nhiều thửa đất của nhiều chủ đất khác nhau và những người này không có quan hệ huyết thống với gia đình bà H, còn lối đi bà Võ Thị H, bà Võ Thị Y và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 yêu cầu là đi qua đất của ông Võ Thanh H1 là anh ruột bà H, lối đi này trước khi ông H1 chết cũng đã yêu cầu lối đi này. Đồng thời, anh G cũng là cháu của bà H, bà Y. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh G và chị T cung cấp văn bản của bà Lê Thị Đ, ông Võ Văn N đồng ý cho bà H đi trên phần đất của mình nhưng lối đi này hiện nay bà Đ, ông N đã làm hàng rào công giáp đường Nguyễn Hữu K và lối đi này phải đi ngang căn nhà của bà Đ, ông N mới đến phần đất khu mộ gia tộc mà bà H đang quản lý. Lối đi đoạn tại vách nhà ông N tiếp giáp với nhà anh G chiều ngang 1,49m là rất hẹp nên không thuận tiện cho việc đi lại. Vì vậy, bà H, bà Y và ông H1, nay là người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông H1 (ông A và chị P) yêu cầu mở lối đi ra khu mộ tổ tiên nằm trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5, 5', 6, B, A, 1' về mốc 1 là thuận tiện nhất. Vì vậy, kháng cáo của anh Võ Trường G, chị Trần Thị T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Trường G, chị Trần Thị T nên anh Võ Trường G, chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Trường G, chị Trần Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 165/2023/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo anh Võ Trường G, chị Trần Thị T.

[2]. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2023/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[2. 1]. Chấp nhận yêu cầu anh của Võ Trường G và chị Trần Thị T về việc xác định ranh là các đoạn thẳng trong phạm vi các mốc M4 và M5.



Ranh đất giữa đất anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** và bà **Võ Thị H** là các đoạn thẳng nối giữa mốc M4 và M5.

Ranh giới giữa các bên được xác định từ không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Buộc bà **Võ Thị H** di dời 03 cây xoài trên đất để trả lại đất cho anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** sử dụng, trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 3, 4, 5', 5 về 6.

[2.2]. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** về việc yêu cầu bà **Võ Thị H** bồi thường số tiền 1.797.000đồng đã làm hư 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

Buộc bà **Võ Thị H** bồi thường cho anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** số tiền 1.797.000đồng đối với phần tài sản hư là 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

Không chấp nhận yêu cầu anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** về việc yêu cầu bà **Võ Thị H** bồi thường thiệt hại số tiền 3.300.000 đồng do làm hư 08 trụ đá và hàng rào lưới B40.

[2.3]. Chấp nhận yêu cầu lối đi của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông **H1** là ông **A** và bà **P** được đi lối đi trên đất của anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5', 5, 6, B, A, 1' về 1 thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại **xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông **H1** là ông **A** và bà **P** trả giá trị diện tích đất của phần lối đi và giá trị cây trên phần diện tích lối đi tổng cộng số tiền là 19.767.000đồng.

Bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông **H1** là ông **Võ Thành A** và bà **Võ Thị Mỹ P** được sử dụng các loại cây trong phạm vi các mốc 1, 12, 12', 8, 5', 5, 6, B, A, 1' về 1 (gồm 03 cây Mít đang cho trái, 03 cây Chuối 03 cây, 01 cây **D2** đang cho trái và 01 cây Dừa nhỏ chưa cho trái).

Buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** có trách nhiệm di dời hàng rào lưới B40 từ mốc 1 đến mốc 12 và hàng rào lưới B40 từ mốc 6 đến mốc 8 để mở lối đi cho bà **Võ Thị H**, bà **Võ Thị Y** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng ông **H1** là ông **Võ Thành A** và bà **Võ Thị Mỹ P**.

Buộc anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** di dời 02 cây Mít mới trồng, 01 bụi bông **T7**, cây Sa bô và các chậu **M** kiếng trên phần diện tích đất lối đi chung.

Anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** được sử dụng 02 cây Sung.

Các loại cây được thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định ngày 15/12/2020 và ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015.

*Toàn bộ diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2020 và ngày 19/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.*

[2.4]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 11,3m<sup>2</sup> của ông **Võ Văn H2** thuộc một phần thửa đất 439, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm đất tọa lạc tại **ấp H, xã H, thành phố C** do anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Võ Thị H** và bà **Võ Thị Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà **H** và bà **Y** là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Anh **Võ Trường G** và chị **Trần Thị T** phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng án phí về phần bồi thường thiệt hại và phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu lồi đi là 867.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đồng theo biên lai thu số 0003508 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh **G** và chị **T** phải nộp thêm 567.000đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ông **Võ Văn H2** được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012103 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh **Võ Trường G**, chị **Trần Thị T** mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 600.000đồng theo biên các lai số 0000295 ngày 22/01/2024 và biên lai số 0000434 ngày 12/3/2024 (**Võ Trung T8** nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là: 11.252.000đồng. Bà **H**, bà **Y** phải liên đới chịu 5.626.000đồng. Anh **G**, chị **T** phải liên đới chịu 5.626.000đồng, bà **H** đã nộp tạm ứng 1.000.000đồng, ông **G** bà **T** đã nộp tạm ứng 10.252.000đồng và đã chi xong. Bà **H**, bà **Y** phải liên đới nộp 4.626.000đồng để hoàn trả cho ông **G**, bà **T**.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- CCTHADS TP. Cao Lãnh;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Mỹ**